

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thương mại và Xây dựng Đông Dương

Ngày 30/09/2025	9,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.8%	-	-

DT thuần Q3/25
99.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.4 -19.1%
YoY: ▲ 14.7 17.3%

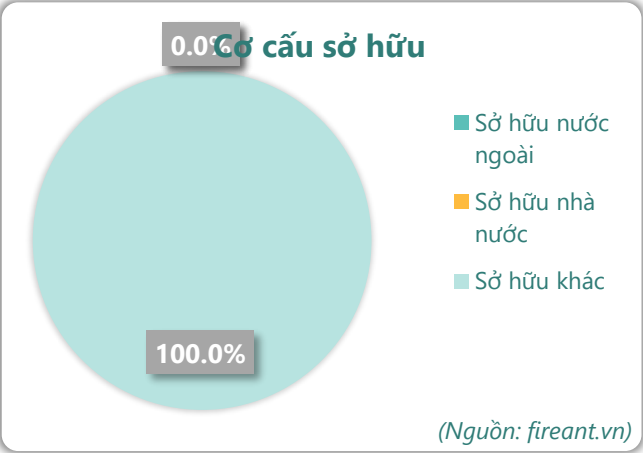
LN thuần Q3/25
2.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.38 179%
YoY: ▼0.35 -14.0%

LN sau thuế Q3/25
1.61
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.11 223%
YoY: ▼0.32 -16.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.6%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE (TTM) Q3/25
3.6%
YoY: +/-▼ 0.3%

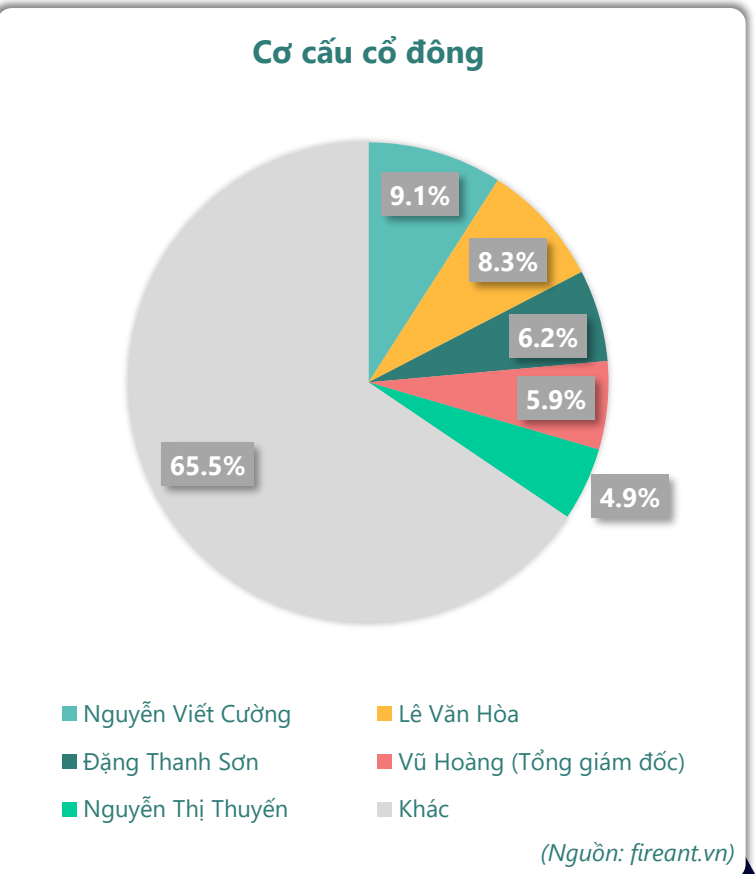
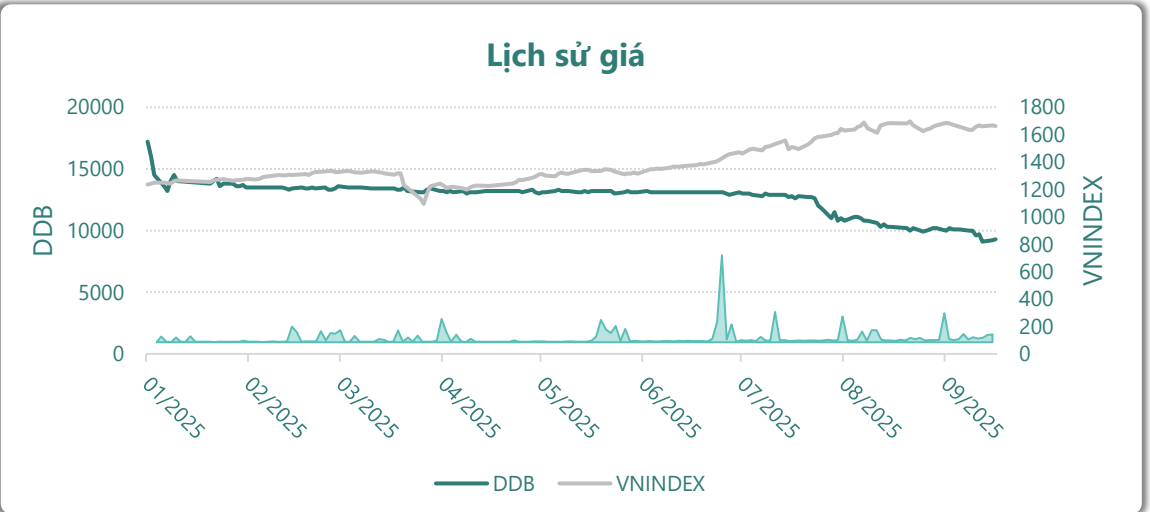
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,100 - 17,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	112
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,505
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.02
EPS	458
P/E	20.3



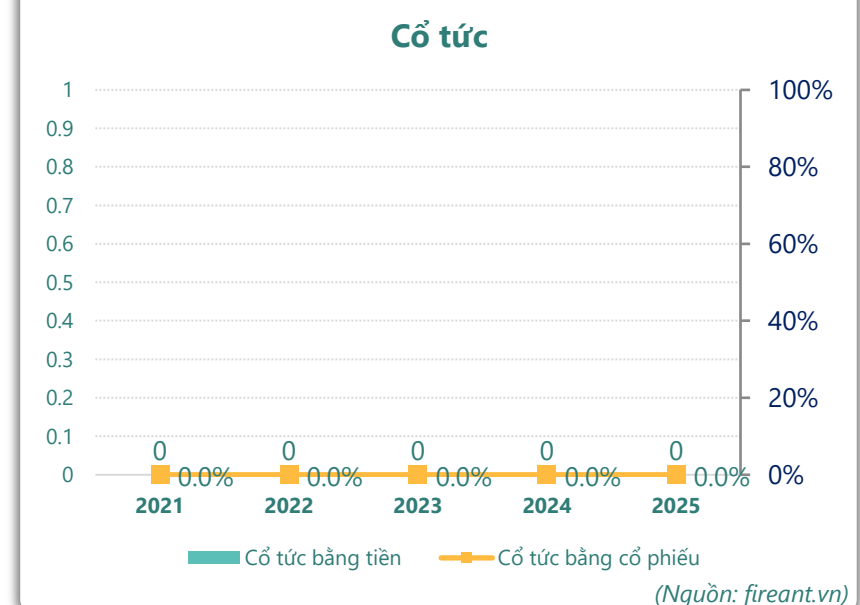
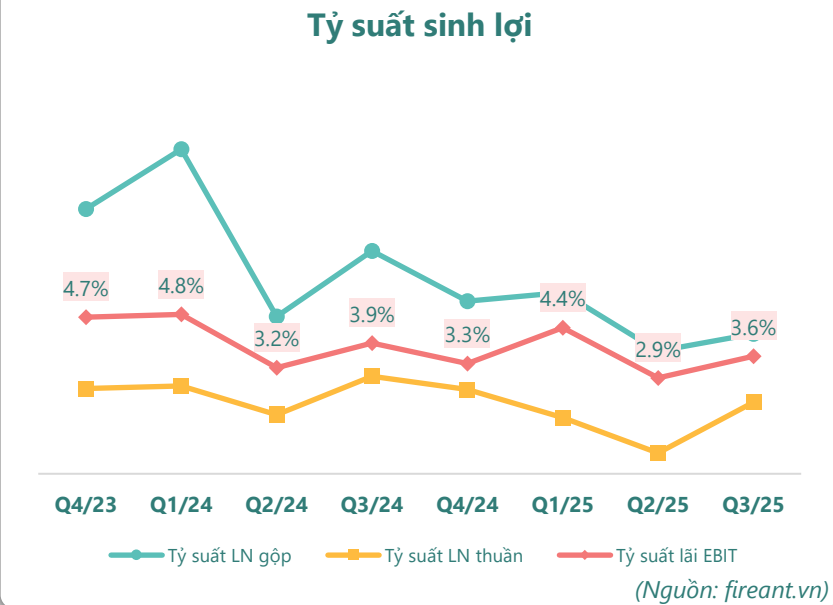
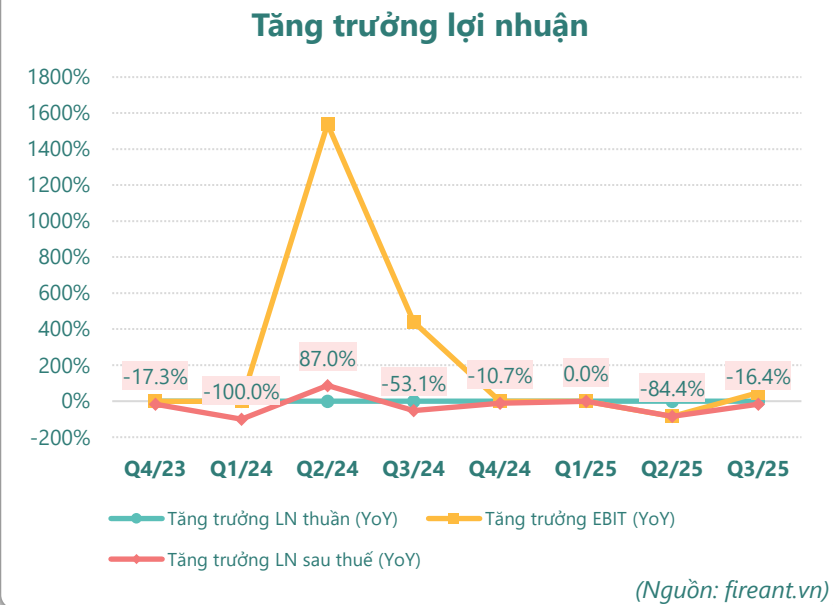
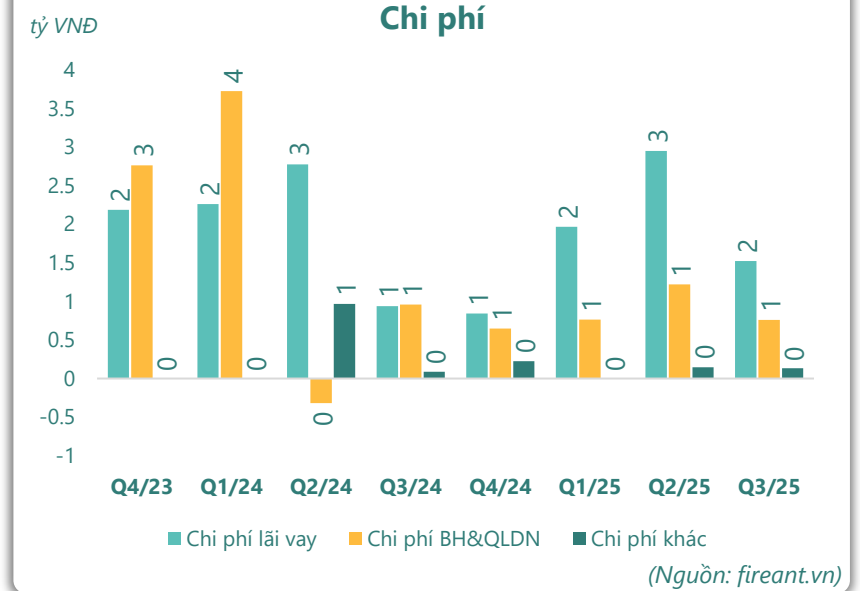
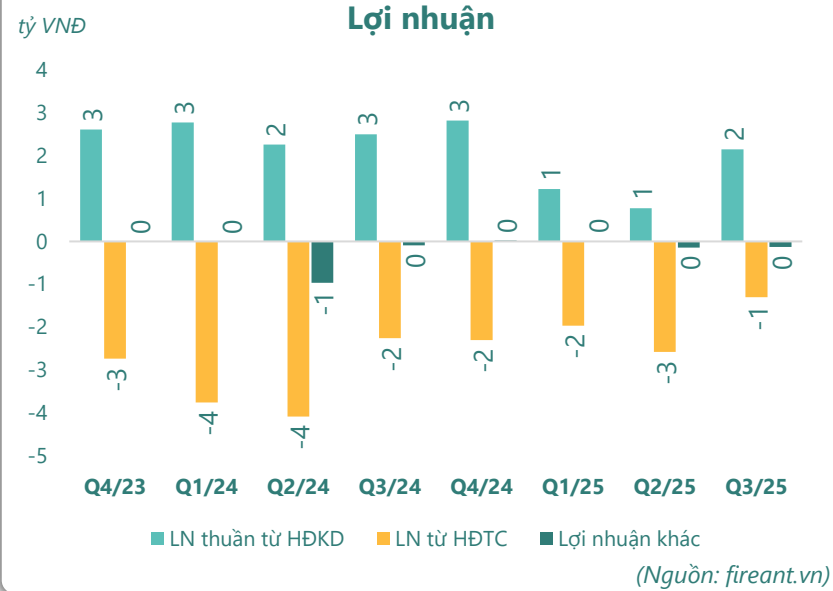
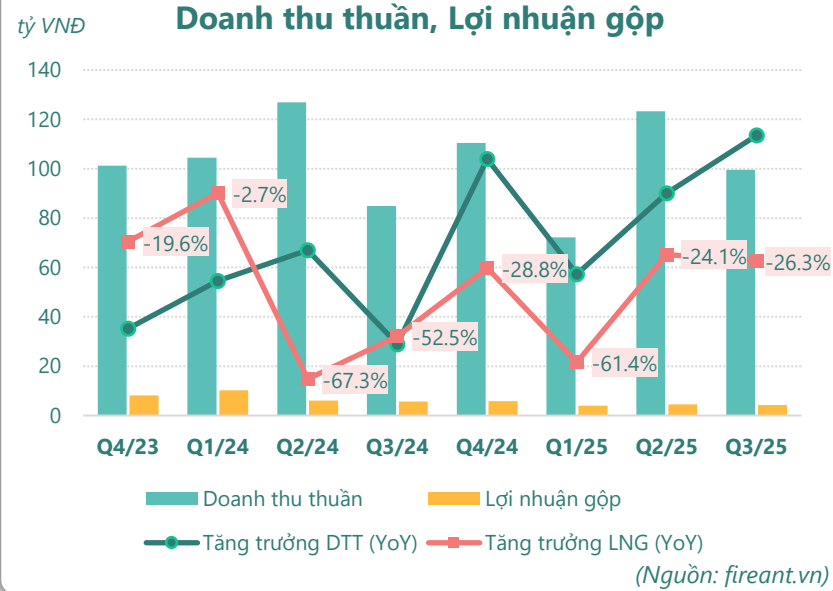
DT thuần 9T 2025
295
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.0 -6.7%

LN thuần 9T 2025
4.15
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.39 -45.0%

LN sau thuế 9T 2025
3.10
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.12 -40.6%



KẾT QUẢ KINH DOANH



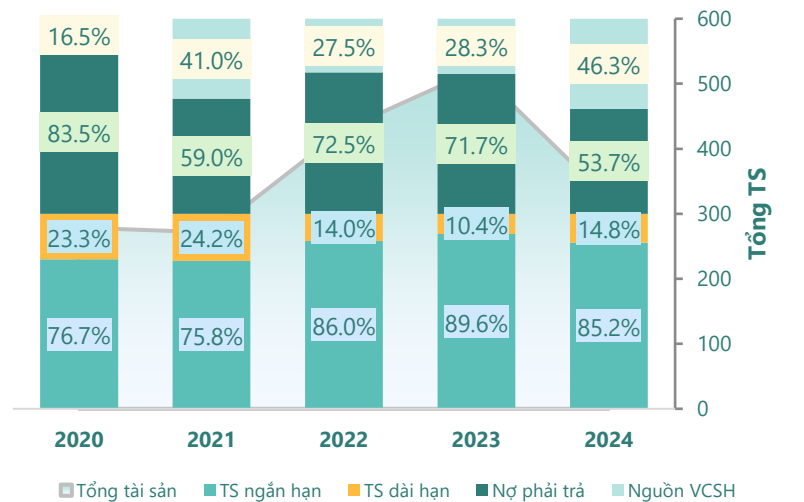


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

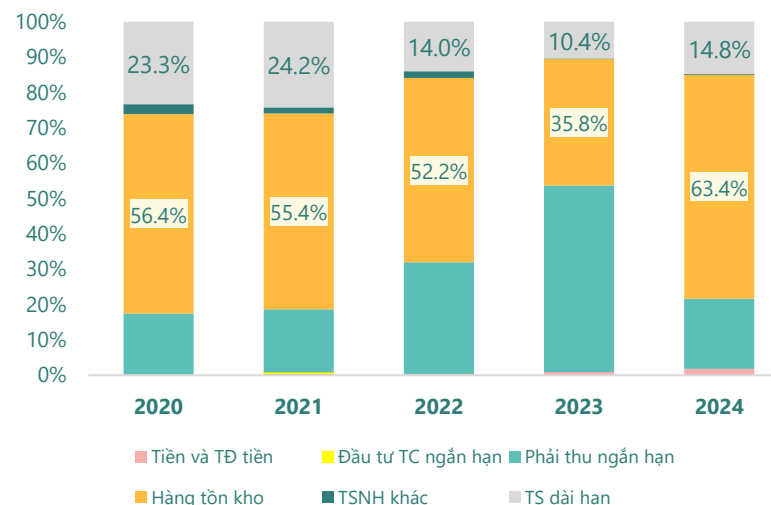
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

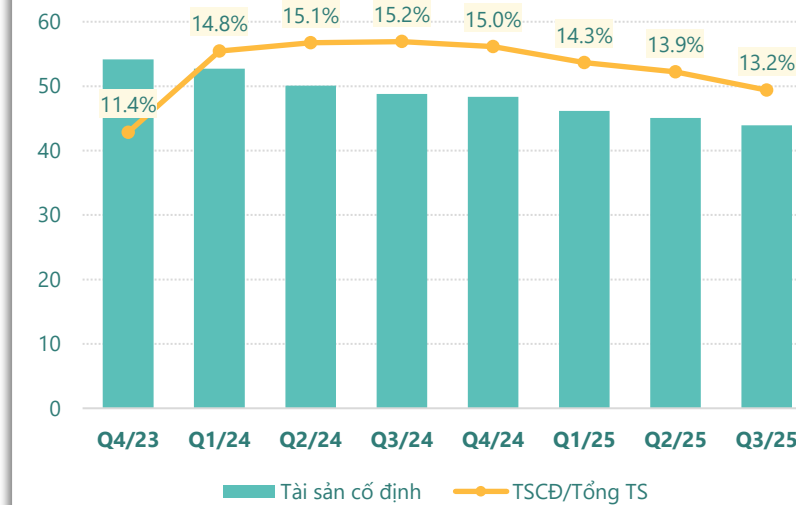
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

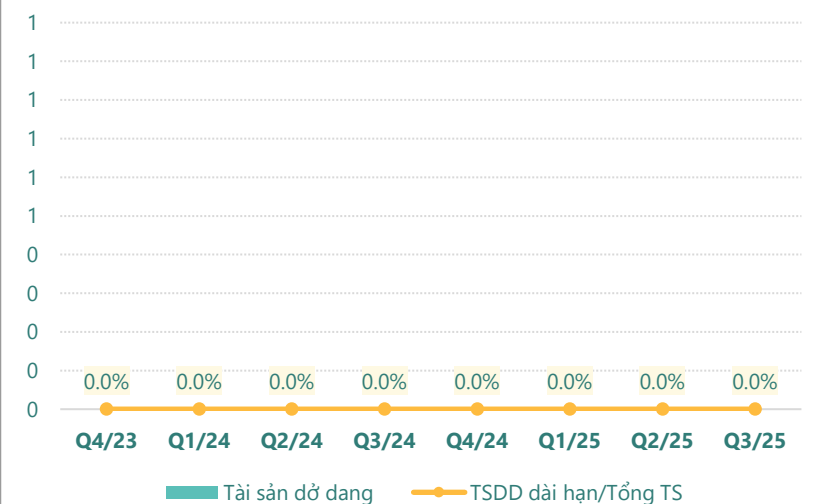
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

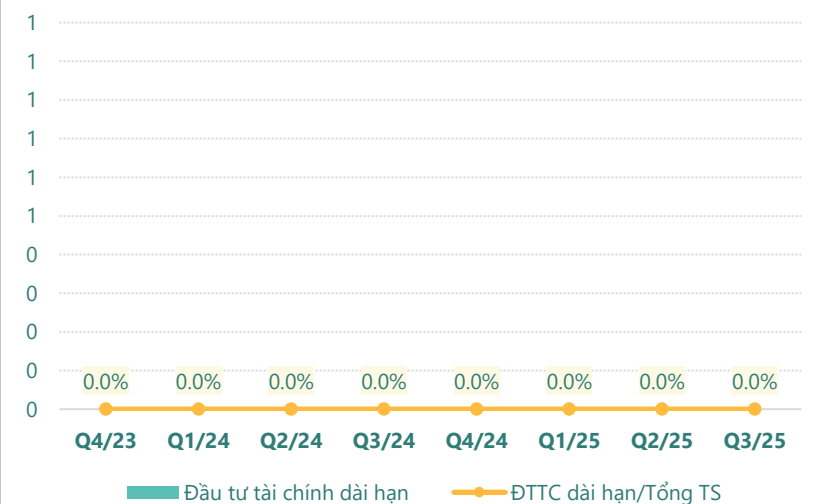
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

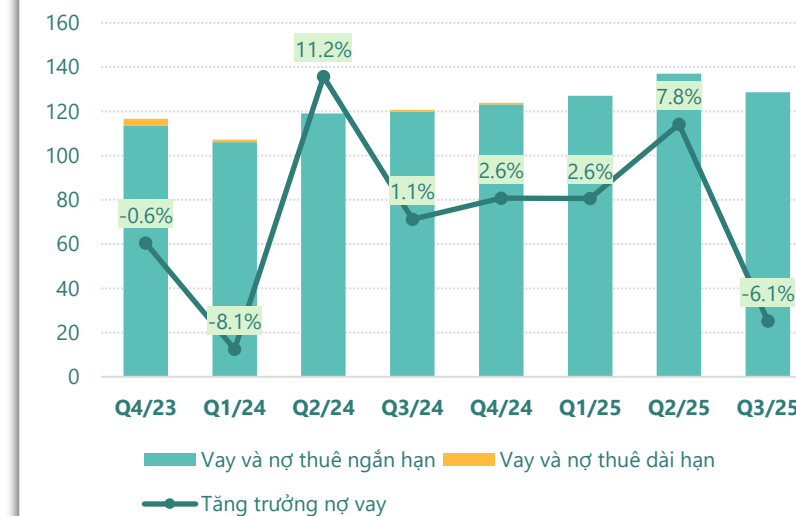
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

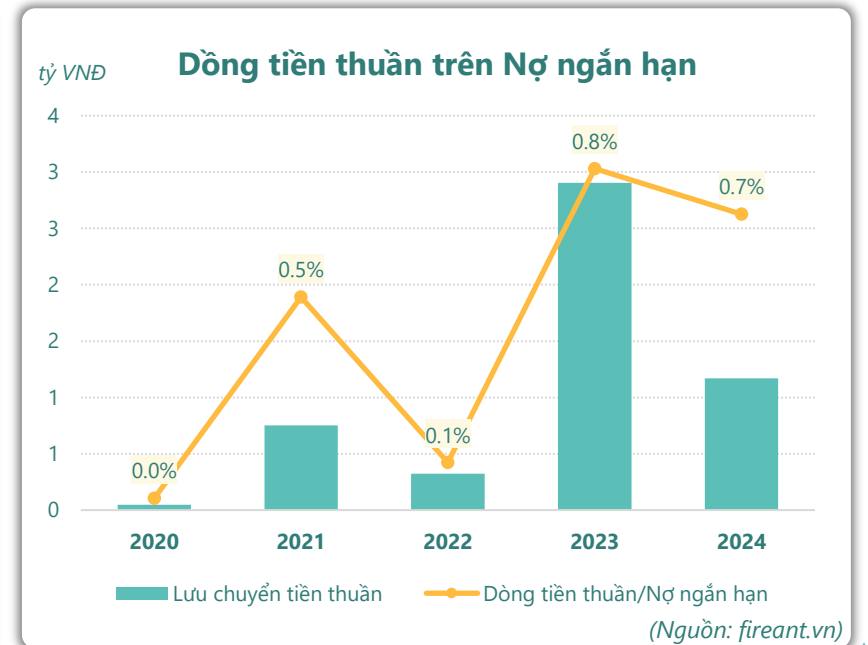
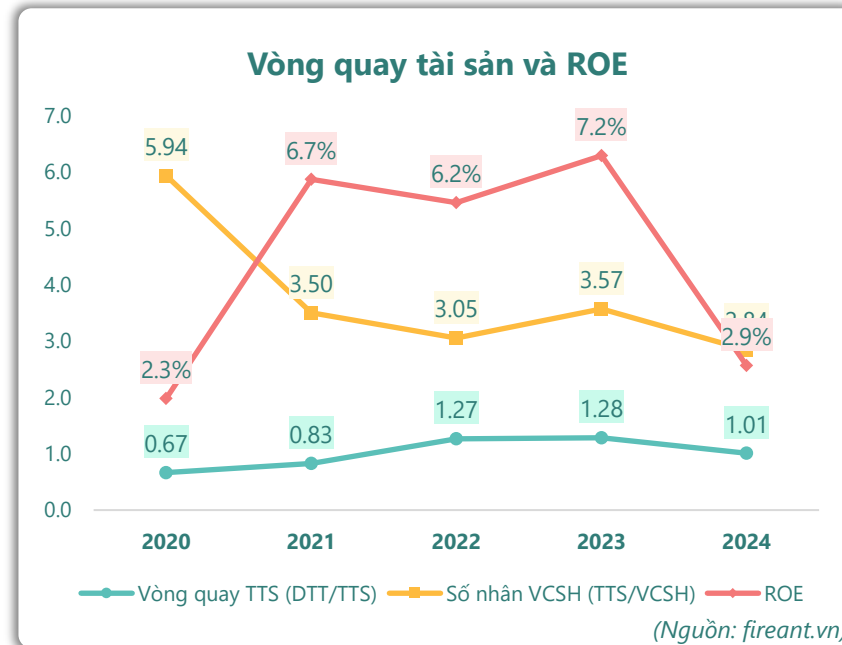
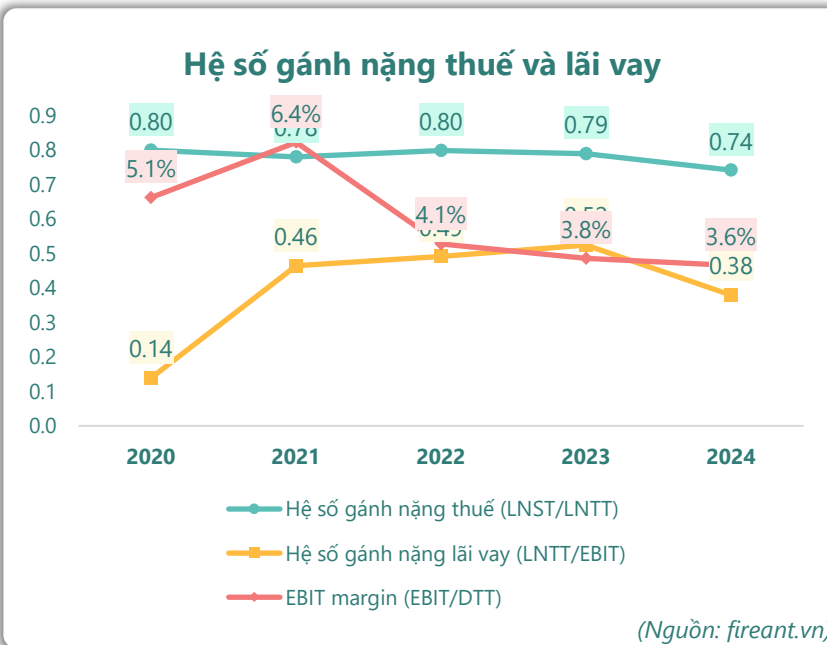
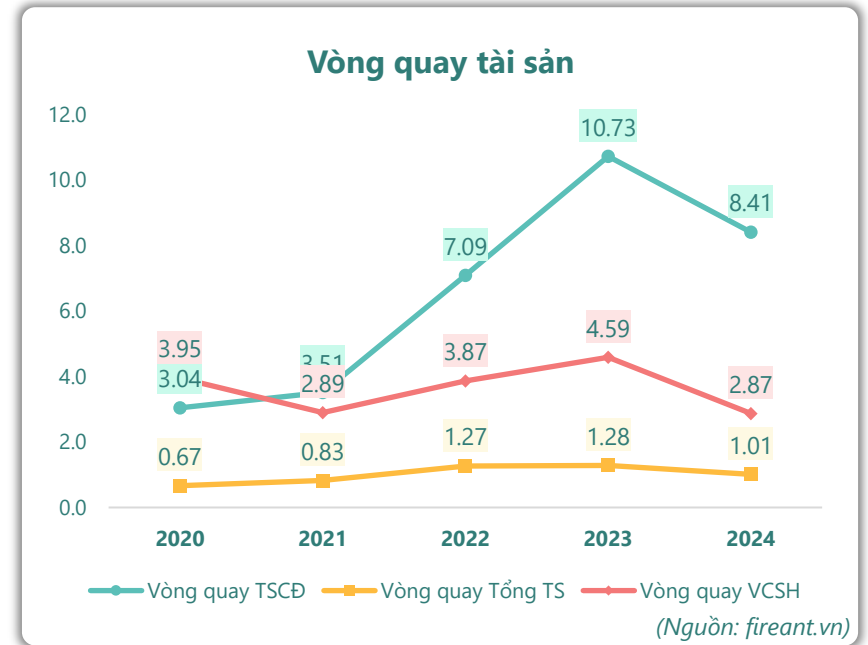
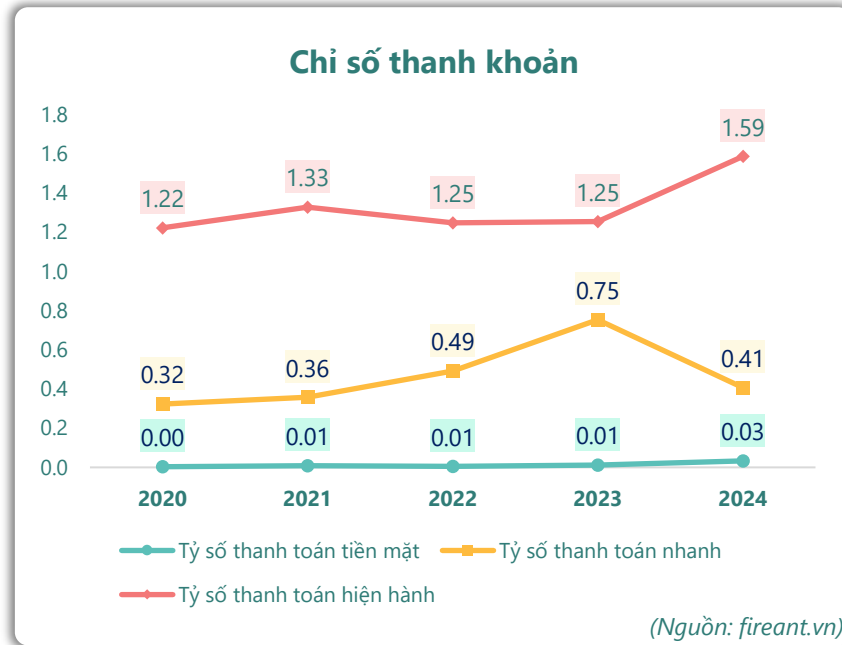
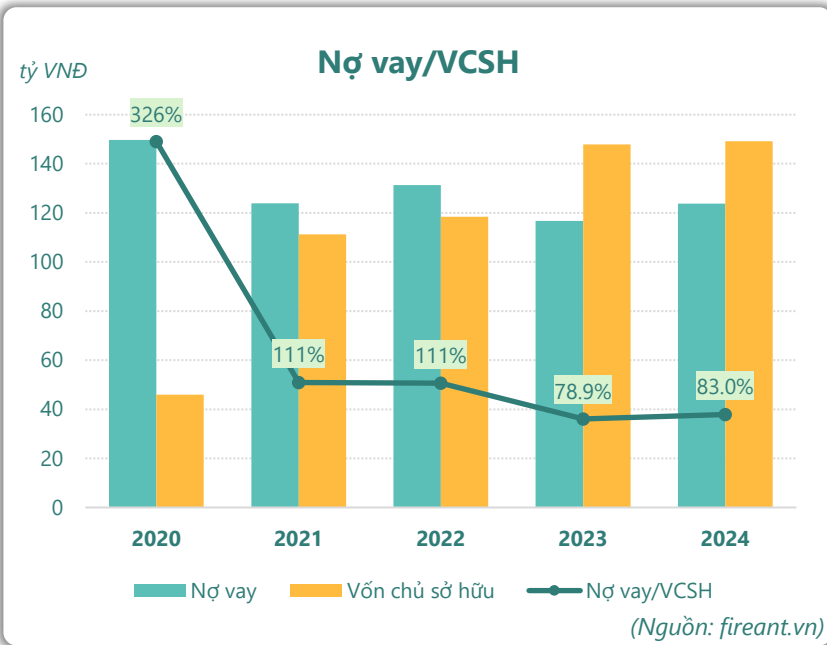
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	99.6	84.9	17.3%	295	316	-6.7%
Giá vốn hàng bán	95.3	79.2	20.4%	282	294	-4.0%
Lợi nhuận gộp	4.22	5.72	-26.3%	12.7	22.0	-42.1%
Doanh thu HĐTC	0.22	0.00		0.59	0.75	-21.3%
Chi phí TC	1.52	2.26	-32.6%	6.44	10.9	-40.7%
Chi phí lãi vay	1.52	0.94	62.0%	6.44	5.98	7.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.14	0.24	-41.6%	0.55	1.56	-65.1%
Chi phí QLDN	0.62	0.72	-13.7%	2.20	2.80	-21.5%
LN thuần từ HĐKD	2.15	2.50	-14.0%	4.15	7.54	-45.0%
Lợi nhuận khác	-0.13	-0.09	-46.7%	-0.28	-1.06	73.6%
LN trước thuế	2.02	2.41	-16.3%	3.87	6.48	-40.3%
Lợi nhuận sau thuế	1.61	1.93	-16.4%	3.10	5.22	-40.6%
LNST của CĐ cty mẹ	1.61	1.93	-16.4%	3.10	5.22	-40.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.58	0.92	0	-12.1	-0.46	36.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0	0	8.50	-13.5	-28.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.76	1.53	0	3.32	9.83	-8.14
Tiền đầu kỳ	3.55	4.55	0	5.72	5.44	1.33
Lưu chuyển tiền thuần	2.34	2.45	0	-0.28	-4.12	-0.36
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	5.89	7.00	0	5.44	1.32	0.96

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	333	322	3.4%
Tài sản ngắn hạn	289	275	5.3%
Tiền và tương đương tiền	0.96	5.72	-83.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.5	0	
Phải thu ngắn hạn	104	64.0	61.9%
Hàng tồn kho	173	204	-15.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.55	0.83	-33.6%
Tài sản dài hạn	44.2	47.6	-7.2%
Phải thu dài hạn	0.22	0.22	0.0%
Tài sản cố định	43.9	47.3	-7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.03	0.06	-44.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	181	173	4.5%
Nợ ngắn hạn	181	173	4.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	129	124	3.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	36.3	22.8	59.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	152	149	2.2%
Vốn chủ sở hữu	152	149	2.2%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

